SAO Y
Sở Y tế
Thời gian ký: 08/12/2021 15:49:39 +07:00

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

Số: 10315 /SYT-VP
V/v phê duyệt danh sách nâng bậc lương trước thời hạn cho viên chức ngành y tế đợt 2 năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 12 năm 2021

Kính gửi: Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn công chức, viên chức và người lao động;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT/BYT-BNV ngày 23/01/2008 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực Y tế;

Căn cứ Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 05/4/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định quản lý và phân cấp thẩm quyền quản lý công chức, viên chức các cơ quan, ban, ngành và đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn họp ngày 06/12/2021 về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn cho cán bộ công chức, viên chức ngành y tế đợt 2 năm 2021.

Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn xem xét và đồng ý duyệt danh sách viên chức đủ điều kiện nâng bậc lương trước thời hạn, gồm: 104 người thuộc thẩm quyền quản lý của thủ trưởng các đơn vị trực thuộc.

(Đính kèm danh sách)

Sở Y tế đề nghị Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở Y tế ban hành quyết định nâng bậc lương trước hạn đúng theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban GĐ SYT;
- Lưu: VT, VP, KH-TC.
(BP-TCCB)

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐỒNG NAI

Phan Huy Anh Vũ

Số 2 - Phan Đình Phùng, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
ĐT: (02513) 942641, Fax: (02513) 847269, Email: syt@dongnai.gov.vn, Website: syt.dongnai.gov.vn

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÊ DUYỆT DANH SÁCH CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ ĐỦ ĐIỀU KIỆN NÂNG BẬC LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN ĐỢT 1 NĂM 2020

(Đính kèm Công văn số 10315...../SYT-VP..... ngày 08../.12../2021 của Sở Y tế Đồng Nai)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ/ chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên mã ngạch, chức danh	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương trước hạn đợt 2 năm 2021						Đơn vị công tác	Ghi chú (thành tích khen thưởng)
		Nam	Nữ				Ngạch, chức danh	Bậc lương	Hệ số lương	Vượt khung (hoặc CL bảo lưu)	Tháng, năm QĐ hưởng	Ngạch, chức danh	Bậc lương	Hệ số lương	Vượt khung (hoặc CL bảo lưu)	Thời gian hưởng lương	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc trong năm 1.000đ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Danh sách nâng lương trước hạn do GĐ đơn vị ban hành QĐ:																		
1	Nguyễn Phúc Hiển	1971		Trưởng khoa	BS-CKII	Bác sĩ hạng II	V.08.01.02	2/8	4,74		05/2019	V.08.01.02	3/8	5,08		11/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2020
2	Bùi Thị Hương		1983		Kỹ thuật viên Y	KTV Y hạng III	V.08.07.18	4/9	3,33		04/2019	V.08.07.18	5/9	3,66		07/2021		BVĐK ĐN	BK UBT 2019-2020
3	Huỳnh Trọng Quý	1984		Phó khoa	BS-CKI	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	4/9	3,33		07/2019	V.08.01.03	5/9	3,66		10/2021		BVĐK ĐN	BK UBT 2018-2019
4	Nguyễn Kim Kiên	1979			BS-CKI	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	5/9	3,66		08/2019	V.08.01.03	6/9	3,99		11/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ tỉnh 2015-2017
5	Nguyễn Xuân Hoàng	1982		Trưởng khoa	BS-CKII	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	5/9	3,66		08/2019	V.08.01.03	6/9	3,99		11/2021		BVĐK ĐN	BK UBT 2018-2019
6	Nguyễn Thị Kiều Oanh		1983	Trưởng khoa	Thạc sĩ bác sĩ	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	5/9	3,66		08/2019	V.08.01.03	6/9	3,99		11/2021		BVĐK ĐN	BK UBT 2016-2017
7	Nguyễn Dương Thiên Thanh		1994		Bác sĩ	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	1/9	2,34		09/2019	V.08.01.03	2/9	2,67		12/2021		BVĐK ĐN	BK UBT 2019-2020
8	Hoàng Nam Phương	1994			Bác sĩ	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	1/9	2,34		09/2019	V.08.01.03	2/9	2,67		12/2021		BVĐK ĐN	BK UBT 2019-2020
9	Nguyễn Hoàng Phú		1988		BS-CKI	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	2/9	2,67		04/2019	V.08.01.03	3/9	3,00		10/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2020
10	Vũ Thị Hiền		1983	ĐD trưởng khoa	ĐDCKI	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	4/9	3,33		09/2019	V.08.05.12	5/9	3,66		12/2021		BVĐK ĐN	BKUB 2019-2020

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ/ chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên mã ngạch, chức danh	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương trước hạn đợt 2 năm 2021						Đơn vị công tác	Ghi chú (thành tích khen thưởng)
		Nam	Nữ				Ngạch, chức danh	Bậc lương	Hệ số lương	Vượt khung (hoặc CL bảo lưu)	Tháng, năm QĐ hưởng	Ngạch, chức danh	Bậc lương	Hệ số lương	Vượt khung (hoặc CL bảo lưu)	Thời gian hưởng lương	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc trong năm 1.000đ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
11	Hoàng Thị Thùy Linh		1976	ĐD trưởng khoa	ĐDCKI	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	7/9	4,32		09/2019	V.08.05.12	8/9	4,65		12/2021		BVĐK ĐN	BK UB 2017-2018
12	Nguyễn Thị Mỹ Lệ		1986		CN Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3/9	3,00		01/2019	V.08.05.12	4/9	3,33		07/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2018
13	Nguyễn Thu Hà		1987	ĐD trưởng khoa	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3/9	3,00		01/2019	V.08.05.12	4/9	3,33		07/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2019
14	Trần Thủy Tiên		1993		CN Hộ sinh	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	2/9	2,67		01/2019	V.08.06.15	3/9	3,00		07/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2020
15	Trần Thị Bích Thảo		1988		Thạc sĩ bác sĩ	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	3/9	3,00		05/2019	V.08.01.03	4/9	3,33		11/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2019
16	Dương Duy Khang	1985			Kỹ thuật viên Y	KTV Y hạng III	V.08.07.18	3/9	3,00		05/2019	V.08.07.18	4/9	3,33		11/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2020
17	Hồ Thị Hiền		1985	Phó khoa	BS-CKI	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	4/9	3,33		05/2019	V.08.01.03	5/9	3,66		11/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2020
18	Lê Thạc Sâm	1983		Trưởng khoa	BS-CKI	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	4/9	3,33		05/2019	V.08.01.03	5/9	3,66		11/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2020
19	Vi Thị Đựng		1985		BS-CKI	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	4/9	3,33		06/2019	V.08.01.03	5/9	3,66		12/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2020
20	Vũ Thị Nhân		1985		CĐĐD	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	7/12	3,06		05/2020	V.08.05.13	8/12	3,26		08/2021		BVĐK ĐN	BKUB 2019-2020
21	Hoàng Thị Ngọc Thảo		1989		CĐĐD	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	6/12	2,86		06/2020	V.08.05.13	7/12	3,06		09/2021		BVĐK ĐN	BKUB 2019-2020
22	Lương Trần Thanh Quí		1986	ĐD trưởng khoa	CĐĐD	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	7/12	3,06		01/2020	V.08.05.13	8/12	3,26		07/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2020
23	Phạm Thị Thu		1992		CĐĐD	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5/12	2,66		05/2020	V.08.05.13	6/12	2,86		11/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2019
24	Vũ Ngọc Bạch Huệ		1992		CĐĐD	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5/12	2,66		05/2020	V.08.05.13	6/12	2,86		11/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2019
25	Hoàng Thị Mây		1991		CĐĐD	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5/12	2,66		05/2020	V.08.05.13	6/12	2,86		11/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2020
26	Nguyễn Thị Hường		1989		CĐĐD	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	6/12	2,86		06/2020	V.08.05.13	7/12	3,06		12/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2020

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ/ chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên mã ngạch, chức danh	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương trước hạn đợt 2 năm 2021						Đơn vị công tác	Ghi chú (thành tích khen thưởng)
		Nam	Nữ				Ngạch, chức danh	Bậc lương	Hệ số lương	Vượt khung (hoặc CL bảo lưu)	Tháng, năm QĐ hưởng	Ngạch, chức danh	Bậc lương	Hệ số lương	Vượt khung (hoặc CL bảo lưu)	Thời gian hưởng lương	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc trong năm 1.000đ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
27	Nguyễn Thị Phương Tuyền		1993		CĐ KTVY	KTV Y hạng IV	V.08.07.19	4/12	2,46		06/2020	V.08.07.19	5/12	2,66		12/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2019
28	Nguyễn Thị Ánh Hồng		1986		ĐDTH	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	6/12	2,86		06/2020	V.08.05.13	7/12	3,06		12/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2020
29	Cái Lê Trung Tín	1984		ĐD trưởng khoa	ĐDTH	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	7/12	3,06		01/2020	V.08.05.13	8/12	3,26		07/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2020
30	Nguyễn Thu Thủy		1994		Kỹ thuật viên CĐ	Kỹ thuật viên hạng IV	V.05.02.08	3/12	2,26	0.04	06/2020	V.05.02.08	4/12	2,46	0.04	12/2021		BVĐK ĐN	CSTĐ CS 2019
31	Nguyễn Đình Lợi	1988			BSCKI GMHS	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	3/9	3,00		06/2019	V.08.01.03	4/9	3,33		09/2021		BVĐK TN	BK UBT 2017
32	Lê Văn Lợi	1986		Kỹ thuật viên trưởng	Dược sĩ ĐH	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	4/9	3,33		07/2019	V.08.08.22	5/9	3,66		10/2021		BVĐK TN	BK UBT 2018
33	Nguyễn Minh Phúc	1970		Điều dưỡng trưởng	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5/9	3,66		09/2019	V.08.05.12	6/9	3,99		12/2021		BVĐK TN	CSTĐ tỉnh 2018
34	Dương Hoài Vũ	1983		Trưởng khoa	BSCKI Nội TQ	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	5/9	3,66		04/2019	V.08.01.03	6/9	3,99		07/2021		BVĐK TN	BK UBT 2019
35	Nguyễn Quốc Lữ	1980		Phó trưởng khoa	BSCKI CTCH	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	5/9	3,66		04/2019	V.08.01.03	6/9	3,99		07/2021		BVĐK TN	BK UBT 2017
36	Hoàng Thanh Ngân	1988			Thạc sĩ ngoại khoa	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	3/9	3,00		06/2019	V.08.01.03	4/9	3,33		09/2021		BVĐK TN	BK UBT 2018
37	Lê Thế Giới	1994			Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	1/9	2,34		07/2019	V.08.01.03	2/9	2,67		10/2021		BVĐK TN	BK UBT 2020
38	Trần Thị Ngọc Anh		1994		Cử nhân YTCC	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	1/9	2,34		02/2019	V.08.04.10	2/9	2,67		08/2021		BVĐK TN	CSTĐ CS 2020
39	Trần Thị Hoài		1981	Điều dưỡng trưởng	Cử nhân ĐD	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5/9	3,66		01/2019	V.08.05.12	6/9	3,99		07/2021		BVĐK TN	CSTĐ CS 2020
40	Nguyễn Ngọc Huyền		1992		Cử nhân YTCC	Y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	1/9	2,34		02/2019	V.08.04.10	2/9	2,67		08/2021		BVĐK TN	CSTĐ CS 2020
41	Tăng Khánh Hậu	1990			Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	1/9	2,34		03/2019	V.08.01.03	2/9	2,67		09/2021		BVĐK TN	CSTĐ CS 2020
42	Nguyễn Thị Trang		1990		Cử nhân ĐD	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	2/9	2,67		02/2019	V.08.05.12	3/9	3,00		08/2021		BVĐK TN	CSTĐ CS 2019

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ/ chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên mã ngạch, chức danh	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương trước hạn đợt 2 năm 2021						Đơn vị công tác	Ghi chú (thành tích khen thưởng)
		Nam	Nữ				Ngạch, chức danh	Bậc lương	Hệ số lương	Vượt khung (hoặc CL bảo lưu)	Tháng, năm QĐ hưởng	Ngạch, chức danh	Bậc lương	Hệ số lương	Vượt khung (hoặc CL bảo lưu)	Thời gian hưởng lương	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc trong năm 1.000đ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
43	Lê Thủy Tiên		1985		Cử nhân ĐD	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	4/9	3,33		01/2019	V.08.05.12	5/9	3,66		07/2021		BVĐK TN	CSTĐ CS 2018
44	Nguyễn Thị Ngọc Khanh		1981		BSCKI RHM	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	5/9	3,66		03/2019	V.08.01.03	6/9	3,99		09/2021		BVĐK TN	CSTĐ CS 2018
45	Trần Vũ	1989			Bác sĩ	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	2/9	2,67		04/2019	V.08.01.03	3/9	3,00		10/2021		BVĐK TN	CSTĐ CS 2018
46	Nguyễn Thị Kim Xuyến		1968	Điều dưỡng trưởng	Cử nhân ĐD	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	8/9	4,65		01/2019	V.08.05.12	9/9	4,98		07/2021		BVĐK TN	CSTĐ CS 2017
47	Nguyễn Thị Thúy Hạnh		1983		Kỹ sư thực phẩm	Kỹ sư hạng III	V.05.02.07	3/9	3,00		01/2019	V.05.02.07	4/9	3,33		07/2021		BVĐK TN	CSTĐ CS 2016
48	Trần Khắc Nghi	1989			Cao đẳng ĐD	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	7/12	3,06		07/2020	V.08.05.13	8/12	3,26		10/2021		BVĐK TN	BK UBT 2020
49	Trần Thị Kiều		1984		Cao đẳng ĐD	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	7/12	3,06	0.26	01/2020	V.08.05.13	8/12	3,26	0.26	07/2021		BVĐK TN	CSTĐ CS 2020
50	Vũ Thị Hương Mai		1983		Cao đẳng ĐD	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	7/12	3,06		01/2020	V.08.05.13	8/12	3,26		07/2021		BVĐK TN	CSTĐ CS 2019
51	Trần Thị Bảo Thoa		1986		Cao đẳng ĐD	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	8/12	3,26		01/2020	V.08.05.13	9/12	3,46		07/2021		BVĐK TN	CSTĐ CS 2020
52	Nguyễn Văn Quý	1986		phòng KHTH	Bác sĩ	Bác sỹ hạng III	V.08.01.03	4/9	3,33		05/2019	V.08.01.03	5/9	3,66		08/2021		BVĐKKV LT	BK UBT 2020
53	Nguyễn Thanh Thủy		1982	Trưởng khoa YHCT	Bác sĩ	Bác sỹ hạng III	V.08.01.03	3/9	3,00		04/2019	V.08.01.03	4/9	3,33		10/2021		BVĐKKV LT	CSTĐ CS 2020
54	Đỗ Thanh Thanh		1981		Dược sĩ	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	4/9	3,33		05/2019	V.08.08.22	5/9	3,66		11/2021		BVĐKKV LT	CSTĐ CS 2020
55	Đặng Thị Anh Đào		1978		Tài chính Kế toán	Kế toán viên	06.031	6/9	3,99		06/2019	06.031	7/9	4,32		12/2021		BVĐKKV LT	CSTĐ CS 2018
56	Đỗ Thị Huyền		1986		KTV Xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng IV	V.08.07.19	7/12	3,06		04/2020	V.08.07.19	8/12	3,26		10/2021		BVĐKKV LT	CSTĐ CS 2020
57	Bùi Khánh Minh	1990			Y sỹ YHCT	Y sỹ hạng IV	V.08.03.07	4/12	2,46		04/2020	V.08.03.07	5/12	2,66		10/2021		BVĐKKV LT	CSTĐ CS 2020
58	Nguyễn Văn Diễn	1963		Trưởng khoa	BSCKI. Nội Thần kinh	Bác sĩ chính hạng II	V.08.01.02	5/8	5,76		06/2019	V.08.01.02	6/8	6,10		09/2021		BVĐKKV LK	BK UBT 2020

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ/ chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên mã ngạch, chức danh	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương trước hạn đợt 2 năm 2021						Đơn vị công tác	Ghi chú (thành tích khen thưởng)
		Nam	Nữ				Ngạch, chức danh	Bậc lương	Hệ số lương	Vượt khung (hoặc CL bảo lưu)	Tháng, năm QĐ hưởng	Ngạch, chức danh	Bậc lương	Hệ số lương	Vượt khung (hoặc CL bảo lưu)	Thời gian hưởng lương	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc trong năm 1.000đ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
59	Nguyễn Thị Thúy Hằng		1981	Phó phòng	Dược sĩ	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	2/9	2,67		09/2019	V.08.08.22	3/9	3,00		12/2021		BVĐKKV LK	CSTĐ tỉnh 2018-2020
60	Nguyễn Hiệp	1972		Trưởng khoa	BSCKI. CTCH	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	7/9	4,32		04/2019	V.08.01.03	8/9	4,65		10/2021		BVĐKKV LK	CSTĐ CS 2020
61	Hà Thị Hồng Thanh	03/5/1981		Trưởng khoa	BSCKI. Nhi	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	5/9	3,66		05/2019	V.08.01.03	6/9	3,99		11/2021		BVĐKKV LK	CSTĐ CS 2018
62	Trần Duy Khương	1985			Thạc sĩ Trung Y	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	4/9	3,33		05/2019	V.08.01.03	5/9	3,66		11/2021		BVĐKKV LK	CSTĐ CS 2020
63	Hoàng Trung Kiên	1993			Bác sĩ Y khoa	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	1/9	2,34		06/2019	V.08.01.03	2/9	2,67		12/2021		BVĐKKV LK	CSTĐ CS 2020
64	Nguyễn Hữu Sang	1988			Kỹ sư Điện	Kỹ sư hạng II	V05.02.07	1/9	2,34		06/2019	V05.02.07	2/9	2,67		12/2021		BVĐKKV LK	CSTĐ CS 2019
65	Nguyễn Thị Thu Tâm	1975		KTV trưởng	Cử	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	6/9	3,99		01/2019	V.08.05.12	7/9	4,32		07/2021		BVĐKKV LK	CSTĐ CS 2019
66	Nguyễn Thị Thùy Trang	1993			Điều dưỡng cao đẳng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	7/12	3,06		06/2020	V.08.05.13	8/12	3,26		12/2021		BVĐKKV LK	CSTĐ CS 2019
67	Dương Mai Hiền	1988			Điều dưỡng cao đẳng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	7/12	3,06		06/2020	V.08.05.13	8/12	3,26		12/2021		BVĐKKV LK	CSTĐ CS 2019
68	La Thị Trúc Ly	1990			Điều dưỡng cao đẳng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5/12	2,66		01/2020	V.08.05.13	6/12	2,86		07/2021		BVĐKKV LK	CSTĐ CS 2020
69	Phạm Thị Hằng	1990			Điều dưỡng cao đẳng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5/12	2,66	0,04	04/2020	V.08.05.13	6/12	2,86	0,04	10/2021		BVĐKKV LK	CSTĐ CS 2019
70	Phạm Thị Băng Tuyết		1982	Trưởng phòng	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng (hạng III)	V.08.05.12	4/9	3,33		01/2019	V.08.05.12	5/9	3,66		07/2021		BVĐKKV ĐQ	CSTĐC CS 2020
71	Nguyễn Ngọc Ánh		1982		Điều dưỡng CĐ	Điều dưỡng (hạng IV)	V.08.05.13	5/12	2,66		04/2020	V.08.05.13	6/12	2,86		07/2021		BVĐKKV ĐQ	BK UBT 2020
72	Chu Văn Thiện	1965		TP	ThSBS	Bác sĩ chính (hạng II)	V.08.01.02	5/8	5,76		02/2019	V.08.01.02	6/8	6,10		05/2021		BV Nhi đồng ĐN	CSTĐ cấp tỉnh 2018
73	Vũ Công Tầm	1965		TK	BSCKII	Bác sĩ chính (hạng II)	V.08.01.02	5/8	5,76		02/2019	V.08.01.02	6/8	6,10		05/2021		BV Nhi đồng ĐN	BK UBT 2016
74	Phạm Văn Khương	1974		Bác sĩ	BSCKII	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	5/9	3,66		01/2019	V.08.01.03	6/9	3,99		07/2021		BV Nhi đồng ĐN	CSTĐ CS 2020

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ/ chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên mã ngạch, chức danh	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương trước hạn đợt 2 năm 2021						Đơn vị công tác	Ghi chú (thành tích khen thưởng)
		Nam	Nữ				Ngạch, chức danh	Bậc lương	Hệ số lương	Vượt khung (hoặc CL bảo lưu)	Tháng, năm QĐ hưởng	Ngạch, chức danh	Bậc lương	Hệ số lương	Vượt khung (hoặc CL bảo lưu)	Thời gian hưởng lương	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc trong năm 1.000đ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
75	Lê Nguyên Thúy Vi		1981	ĐDTK	CNĐD	Điều dưỡng (hạng III)	V.08.05.12	5/9	3,66		01/2019	V.08.05.12	6/9	3,99		04/2021		BV Nhi đồng ĐN	BK UBT 2016
76	Lê Thị Ngọc Vân		1986	CNĐD	CNĐD	Điều dưỡng (hạng III)	V.08.05.12	4/9	3,33		01/2019	V.08.05.12	5/9	3,66		04/2021		BV Nhi đồng ĐN	BK UBT 2016
77	Nguyễn Thị Ngọc Thảo		1982	ĐDTH	ĐDTH	Điều dưỡng (hạng IV)	V.08.05.13	8/12	3,26		04/2020	V.08.05.13	9/12	3,46		10/2021		BV Nhi đồng ĐN	CSTĐ CS 2019
78	Nguyễn Thị Ngọc Thanh		1992	CĐ Dược	CĐ Dược	Dược (hạng IV)	V.08.08.23	5/12	2,66		02/2020	V.08.08.23	6/12	2,86		08/2021		BV Nhi đồng ĐN	CSTĐ CS 2019
79	Nguyễn Thanh Huyền		1986	Dược trung	Dược trung	Dược (hạng IV)	V.08.08.23	3/12	2,26		02/2020	V.08.08.23	4/12	2,46		08/2021		BV Nhi đồng ĐN	CSTĐ CS 2020
80	Lê Hoàng Dũng	1992		CĐ Dược	CĐ Dược	Dược (hạng IV)	V.08.08.23	4/12	2,46		04/2020	V.08.08.23	5/12	2,66		10/2021		BV Nhi đồng ĐN	CSTĐ CS 2018
81	Trần Thị Nga		1980	Kế toán	Cử nhân Kế toán	Kế toán viên - hạng III	06.031	4/9	3,33		01/2019	06.031	5/9	3,66		07/2021		TT KSBT	CSTĐ CS 2019
82	Trần Thắng Luận	1985		Trưởng phòng	CK1.YHDP	y tế công cộng hạng III	V.08.04.10	5/9	3,66		12/2019	V.08.04.10	6/9	3,99		12/2021		TT KSBT	BK TTg 2020
83	Dư Văn Kỳ	1988		nhân viên	Cao đẳng xét nghiệm	Kỹ thuật viên y - hạng IV	V.08.07.19	5/12	2,66		01/2020	V.08.07.19	6/12	2,86		07/2021		TTKSBT	CSTĐ CS 2020
84	Đỗ Văn Tuấn	1985		Phụ trách khoa	Bác sỹ	Bác sỹ hạng III	V.08.01.03	3/9	3,00		01/2019	V.08.01.03	4/9	3,33		07/2021		TTYT Vĩnh Cửu	CSTĐ CS 2019
85	Châu Thanh Hòa		1980	Phó trưởng khoa	Bác sỹ CKI	Bác sỹ hạng III	V.08.01.03	4/9	3,33		05/2019	V.08.01.03	5/9	3,66		08/2021		TTYT Trảng Bom	CSTĐ cấp tỉnh 2020
86	Nguyễn Thị Thủy		1987		CĐ Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	5/12	2,66		06/2020	V.08.05.13	6/12	2,86		12/2021		TTYT Trảng Bom	CSTĐ CS 2020
87	Trịnh Thị Kim Chiên		1983	Điều dưỡng trưởng	CN Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	5/9	3,66		01/2019	V.08.05.12	6/9	3,99		07/2021		TTYT Trảng Bom	CSTĐ CS 2019
88	Mai Thị Hồng Hương		1986		CĐ Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	6/12	2,86		03/2020	V.08.05.13	7/12	3,06		09/2021		TTYT Trảng Bom	CSTĐ CS 2020
89	Nguyễn Thị Kim Doan		1984		CN Xét nghiệm	Kỹ thuật Y hạng III	V.08.07.18	3/9	3,00		01/2019	V.08.07.18	4/9	3,33		07/2021		TTYT Thống Nhất	CSTĐ CS 2019
90	Nguyễn Thị Như		1985		Y sỹ đa khoa	Y sỹ hạng IV	V.08.03.07	7/12	3,06		06/2020	V.08.03.07	8/12	3,26		12/2021		TTYT Thống Nhất	CSTĐ CS 2020

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ/ chức danh	Trình độ chuyên môn	Tên mã ngạch, chức danh	Ngạch, chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc					Kết quả nâng bậc lương trước hạn đợt 2 năm 2021						Đơn vị công tác	Ghi chú (thành tích khen thưởng)
		Nam	Nữ				Ngạch, chức danh	Bậc lương	Hệ số lương	Vượt khung (hoặc CL bảo lưu)	Tháng, năm QĐ hưởng	Ngạch, chức danh	Bậc lương	Hệ số lương	Vượt khung (hoặc CL bảo lưu)	Thời gian hưởng lương	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc trong năm 1.000đ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
91	Trần Thị Kiều Oanh		1982		CN Điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	3/9	3,00		01/2019	V.08.05.12	4/9	3,33		07/2021		TTYT Thống Nhất	CSTĐ CS 2018
92	Trương Thị Hồng Đào		1980		CN XH học	Chuyên viên	01.003	4/9	3,33		03/2019	01.003	5/9	3,66		09/2021		TTYT Thống Nhất	CSTĐ CS 2019
93	Chu Thị Như Trí		1979		CN Kế toán	Kế toán viên	06.031	3/9	3,00		03/2019	06.031	4/9	3,33		09/2021		TTYT Thống Nhất	CSTĐ CS 2020
94	Lê Thị Thúy Phượng		1969		Cử nhân Hộ sinh	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	7/9	4,32		01/2019	V.08.06.15	8/9	4,65		07/2021		TTYT Xuân Lộc	CSTĐ CS 2020
95	Nguyễn Thị Tâm		1994		Bác sĩ YHDP	Bác sĩ YHDP hạng III	V.08.02.06	1/9	2,34		06/2019	V.08.02.06	2/9	2,67		12/2021		TTYT Xuân Lộc	CSTĐ CS 2019
96	Nguyễn Thị Thúy Diễm		1993		Bác sĩ YHDP	Bác sĩ YHDP hạng III	V.08.02.06	1/9	2,34		03/2019	V.08.02.06	2/9	2,67		09/2021		TTYT Xuân Lộc	CSTĐ CS 2020
97	Trần Ngọc Duy	1991			Dược sĩ	Dược sĩ hạng III	V.08.08.22	2/9	2,67		02/2019	V.08.08.22	3/9	3,00		08/2021		TTYT Xuân Lộc	CSTĐ CS 2020
98	Nguyễn Thị Lam		1986		Dược sĩ trung học	Dược sĩ hạng IV	V.08.08.23	7/12	3,06		10/2019	V.08.08.23	8/12	3,26		04/2021		TTYT Xuân Lộc	CSTĐ CS 2020
99	Hồ Thị Hiền		1981		Y sĩ đa khoa	Y sĩ hạng IV	V.08.03.07	5/12	2,66		05/2020	V.08.03.07	6/12	2,86		11/2021		TYT H. Gia Ray-TTYT XL	CSTĐ CS 2019
100	Phạm Thị Thúy Len		1995		Cử nhân YTCC	Y tế Công cộng hạng III	V.08.04.10	1/9	2,34		09/2019	V.08.04.10	2/9	2,67		12/2021		TTYT Cẩm Mỹ	BK UBND tỉnh 2019-2020
101	Trần Thị Kim Xuyến		1973	Trưởng khoa	Bác sĩ đa khoa	Bác sĩ hạng III	V.08.01.03	7/9	4,32		01/2019	V.08.01.03	8/9	4,65		07/2021		TTYT Định Quán	CSTĐ CS 2020
102	Bùi Văn Diệm	1993		Nhân viên	Bác sĩ dự phòng	Bác sĩ YHDP hạng III	V.08.02.06	1/9	2,34		01/2019	V.08.02.06	2/9	2,67		04/2021		TTYT Định Quán	BK UBND tỉnh 2020
103	Nguyễn Thị Xuân		1975	Trưởng phòng	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	6/9	3,99		06/2019	V.08.05.12	7/9	4,32		09/2021		TTYT Tân Phú	BK UBND tỉnh 2017
104	Quách Thị Thảo		1987		Dược sĩ trung cấp	Dược hạng IV	V.08.08.23	7/12	3,06		03/2020	V.08.08.23	8/12	3,26		09/2021		TTYT Tân Phú	CSTĐCS 2019

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI